

**UỶ BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 771 /UBND-QLDA

Bỉm Sơn, ngày 26 tháng 4 năm 2019

V/v xây dựng mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện văn bản số: 1911/UBND-KTTC ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa; văn bản số: 1553/SXD-KTXD ngày 26/3/2019 của Sở Xây dựng về việc xây dựng mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ thoát nước trên địa bàn; UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo đề Sở Xây dựng thẩm định, báo cáo UBND tỉnh một số nội dung sau:

I. Về đơn vị thực hiện thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn:

Hiện nay, trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn chưa có Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Bỉm Sơn là đơn vị thoát nước. Công ty là đơn vị được UBND thị xã Bỉm Sơn lựa chọn là đơn vị quản lý hệ thống thoát nước mưa của thị xã. Tuy nhiên, hiện nay chưa có đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải.

II. Về xây dựng giá dịch vụ thoát nước, đề xuất đối tượng thu, mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ thoát nước đối với các hộ trên địa bàn thị xã.

Trên địa bàn thị xã đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải và đang bàn giao đưa vào sử dụng. UBND thị xã đã xây dựng giá dịch vụ thoát nước áp dụng cho xử lý nước thải trên địa bàn thị xã với những nội dung chính sau:

1. Căn cứ pháp lý:

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;

Luật Giá số 11/2012/QH2013;

Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải thực hiện từ 1/1/2015;

Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Nghị định 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Nghị định 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ.

Thông tư 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá thành sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 3/4/2015 Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Quyết định số 451/QĐ-BXD ngày 21/4/2015 của Bộ Xây dựng Quyết định Công bố suất vốn đầu tư xây dựng và mức chi phí xử lý nước thải sinh hoạt;

Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Quyết định số 864/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương quy định về giá bán điện;

Thông tư số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của liên Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/NĐ-CP ngày 29/3/2013 về phí bảo vệ Môi trường đối với nước thải;

Định mức dự toán duy trì hệ thống thoát nước đô thị công bố kèm theo Quyết định số 591/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng;

Quyết định số 3596/QĐ-UBND ngày 1/11/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình.

Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa Công bố điều chỉnh đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa số 655/QĐ-UBND ngày 04/3/2011 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; số 3127/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch đấu thầu; số 511/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch đấu thầu; số 768/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước

B	Chi phí tư vấn		8.934.223	89.342.233	
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu quản lý vận hành	đ	8.934.223	89.342.233	0,167%*A
C	Chi phí quản lý dự án	đ	134.378.111	1.343.781.110	2,763%*A/1,1
D	Dự phòng (10%)	đ	549.314.665	5.493.146.650	
	Cộng tổng chi phí quản lý, vận hành	đ	6.042.461.315	60.424.613.150	
	Giá dịch vụ thoát nước	đ/m3	7.995		

UBND thị xã đề nghị Sở Xây dựng và các Sở ngành liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt giá dịch vụ thoát nước năm 2019 làm cơ sở tính toán các năm từ 2020 đến 2029 làm căn cứ lựa chọn nhà thầu quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải theo quy định tại Nghị định số 80/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải như sau:

Công suất xử lý nước thải (m3/ngày)	Giá DVTN (đ/m3)	Tổng giá DVTN 1 năm (đ)	Tổng giá DVTN 10 năm (đ)
2.071	7.995	6.042.461.315	60.424.613.150

Mức giá kiến nghị trên đã bao gồm: Chi phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng, chi phí nạo vét bùn cống, hố ga, chi phí khấu hao thiết bị, lợi nhuận định mức, thuế VAT đầu ra.

Mức giá kiến nghị trên không tính khấu hao tài sản công trình xây dựng (được đầu tư bằng vốn vay và vốn đối ứng); chưa tính toán đến sự biến động của yếu tố chính sách (tiền lương, giá điện...) và biến động của yếu tố giá cả thị trường đối với một vài thông số “đầu vào” của chi phí xử lý nước thải.

6. Lộ trình thu giá dịch vụ thoát nước:

Căn cứ mức độ thu nhập, khả năng chi trả và phí bảo vệ môi trường hiện hành của các hộ thoát nước trên địa bàn thị xã, nếu áp dụng giá dịch vụ thoát nước ngay bằng 100% mức giá tính toán nêu trên thì mức phí tăng khá lớn, không khuyến khích việc đầu nối từ các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Vì vậy, kết hợp với công tác tuyên truyền, giải thích, vận động để các chủ thể thích ứng, tiếp cận dần với giá dịch vụ thoát nước, đảm bảo “nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp chi phí dịch vụ thoát nước” (Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP); UBND thị xã đề xuất để Sở Xây dựng và các Sở ngành liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt lộ trình thu giá dịch vụ thoát nước theo sản

lượng nước sạch tiêu thụ của các đối tượng sử dụng nước sạch tại thị xã Bim Sơn cụ thể như sau:

+ Từ năm 2020-2022: Chưa thực hiện thu giá dịch vụ thoát nước mà tiếp tục thực hiện thu phí bảo vệ môi trường (hiện nay là bằng 10% giá nước sạch) để người dân quen dần với việc xử lý nước thải, khuyến khích các hộ đầu nối vào hệ thống nước thải.

+ Từ năm 2023-2029: Thu giá dịch vụ thoát nước theo sản lượng nước sạch tiêu thụ của các đối tượng sử dụng nước sạch tại thị xã Bim Sơn thay cho thu phí bảo vệ môi trường. Mức thu tiền dịch vụ thoát nước năm 2023 bằng mức thu phí bảo vệ môi trường, mức thu tiền dịch vụ thoát nước các năm tiếp theo mỗi năm tăng khoảng 30%,

Cụ thể lộ trình thu giá dịch vụ thoát nước:

Đơn vị tính: đ/m³

Mục đích sử dụng	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029
Gia đình sinh hoạt BQ	820	820	820	820	1.066	1.386	1.802	2.342	3.045	3.958
Cơ quan hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, an ninh	1.060	1.060	1.060	1.060	1.378	1.791	2.329	3.027	3.936	5.116
Sản xuất	1.320	1.320	1.320	1.320	1.716	2.231	2.900	3.770	4.901	6.371
Kinh doanh	1.500	1.500	1.500	1.500	1.950	2.535	3.296	4.284	5.569	7.240
Bình quân	877	877	877	877	1.140	1.483	1.927	2.506	3.257	4.234

7. Hỗ trợ từ Ngân sách.

Do nguồn thu từ giá thu dịch vụ thoát nước của các chủ thải chưa thể thu ngay bằng mức giá tính đúng, tính đủ. Do đó, UBND thị xã đề nghị Sở Xây dựng và các Sở ngành liên quan xem xét trình UBND tỉnh hỗ trợ giá dịch vụ thoát nước cho các hộ dân phù hợp với Khoản 2 – Điều 38 – Nghị định 80/2014/NĐ-CP, theo lộ trình cụ thể như sau:

Năm	2020	2021	2022	2023
Giá trị ngân sách cấp bù	-4.471.626.709	-4.532.624.131	-4.502.427.387	-4.471.626.709

Năm	2024	2025	2026	2027
Giá trị ngân sách cấp bù	-3.959.534.627	-3.280.500.527	-2.380.101.310	-1.186.171.948

Từ năm 2028 trở về sau nguồn thu phí nước thải sẽ đảm bảo chi phí vận hành. Ngân sách sẽ không phải cấp bù.

thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá (thuộc dự án “Cấp nước và nước thải đô thị” do WB tài trợ);

2. Phạm vi áp dụng: Địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

3. Thời gian thực hiện: Dự kiến sẽ áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2029. Trên cơ sở đó, lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trong thời gian nêu trên.

4. Mục tiêu phê duyệt giá dịch vụ thoát nước:

- Đáp ứng yêu cầu, chủ trương chung của Chính phủ trong công tác quản lý dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung nhằm phục vụ nhu cầu thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo phát triển bền vững.

- Nhằm từng bước đáp ứng, tiến tới bù đắp chi phí dịch vụ thoát nước mưa, xử lý nước thải thu gom đạt quy chuẩn kỹ thuật theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải và Nghị định 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Để công tác vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Bỉm Sơn được bền vững và làm cơ sở để UBND thị xã lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải. Mặt khác, theo yêu cầu của Ngân hàng Thế giới và Điều 42 Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải thì việc phê duyệt giá dịch vụ thoát nước, lộ trình thu phí thoát nước là phù hợp với Hiệp định tài trợ và thoả thuận thực hiện đã được ký kết.

5. Giá dịch vụ thoát nước:

Theo hồ sơ thiết kế của dự án, các thông số đầu vào và công suất Trạm xử lý nước thải sinh hoạt đến năm 2020 đạt 3.500 m³/ngàyđêm. Tuy nhiên, do thực tế thi công không đầu nối hết được hộ gia đình theo theo dự kiến nên công suất xử lý tổng kê theo thực tế là: 2.071m³/ngày đêm. Trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước, các quy định hiện hành và tham khảo thực tế đối với các công trình tương tự, UBND thị xã đã tính toán giá dịch vụ thoát nước đối với quản lý, vận hành tương ứng cho 1m³ nước thải như sau:

TT	Hạng mục chi phí	ĐVT	Tổng cộng chi phí năm 2019	Tổng cộng chi phí 10 năm (không tính trượt giá)	Ghi chú
A	Chi phí quản lý, vận hành của nhà thầu		5.349.834.316	53.498.343.156	
I	Chi phí vật tư trực tiếp		56.693.625	566.936.250	
	Hóa chất	đ	56.693.625	566.936.250	

II	Chi phí nhân công trực tiếp		1.313.874.440	13.138.744.397	
1	Tiền lương	đ	870.845.400	8.708.454.000	
2	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	đ	346.669.040	3.466.690.397	
3	Ăn ca	đ	96.360.000	963.600.000	
III	Chi phí máy, thiết bị trực tiếp		2.255.642.379	22.556.423.785	
1	Chi phí điện	đ	445.601.785	4.456.017.845	
2	Chi phí khấu hao thiết bị trực tiếp	đ	1.744.617.440	17.446.174.400	
3	Chi phí bảo trì, duy tu, bảo dưỡng thiết bị trực tiếp		65.423.154	654.231.540	
IV	Chi phí chung		553.996.109	5.539.961.087	
1	Khấu hao thiết bị không trực tiếp	đ	9.171.419	91.714.187	
2	Chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị không trực tiếp	đ	343.928	3.439.282	
3	Hóa chất phòng thí nghiệm	đ	22.360.000	223.600.000	
4	CP quan trắc, lập BC môi trường	đ	22.032.000	220.320.000	
5	Chi phí tiền lương gián tiếp			0	
5.1	Tiền lương	đ	254.253.600	2.542.536.000	
5.2	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	đ	69.813.801	698.138.010	
5.3	Ăn ca	đ	26.280.000	262.800.000	
6	Chi phí công cụ dụng cụ	đ	12.000.000	120.000.000	Tạm tính
7	Chi phí bảo hộ lao động	đ	29.088.000	290.880.000	
8	Chi phí dịch vụ mua ngoài: Điện, nước	đ	98.653.361	986.533.608	
9	Chi phí bằng tiền khác	đ	10.000.000	100.000.000	
V	Chi phí quản lý	đ	311.527.943	3.115.279.430	
1	Chi phí tiền lương và các khoản có TC lương	đ		0	
1.1	Tiền lương	đ	195.607.200	1.956.072.000	
1.2	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	đ	61.880.743	618.807.430	
1.3	Chi phí ăn ca	đ	35.040.000	350.400.000	
2	Chi phí Văn phòng phẩm, chi khác	đ	19.000.000	190.000.000	
VI	Chi phí nạo vét, xử lý bùn cống	đ	140.156.688	1.401.566.875	
VI	Lợi nhuận định mức (5%)		231.594.559	2.315.945.591	
VII	Thuế VAT (10%)		486.348.574	4.863.485.741	

8. Phạm vi áp dụng.

Giá dịch vụ thoát nước trên áp dụng cho tất cả các phường, xã trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn.

9. Phương án thu giá dịch vụ thoát nước.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa có trách nhiệm tổ chức thu tiền dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và được hưởng chi phí dịch vụ đi thu. Đơn vị đi thu sẽ chuyển tiền dịch vụ thoát nước thu được về UBND thị xã Bỉm Sơn hàng tháng để thực hiện thanh toán cho đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải. Đơn vị thực hiện thu phí sẽ giữ lại chi phí theo tỷ lệ phần trăm của giá dịch vụ thoát nước theo quy định.

(Kèm theo phương án giá dịch vụ thoát nước để phục vụ xử lý nước thải sinh hoạt tại thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa)

UBND thị xã Bỉm Sơn kính đề nghị Sở Xây dựng và các Sở ngành liên quan xem xét thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án như các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Bùi Huy Hùng

